

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 613, 614, 649, 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 108/2023/TLST- DSST ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc “Chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1947; Địa chỉ: Số xx T, phường M, quận M, thành phố H (nay là số xx T, phường V, thành phố H).

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954; Địa chỉ: Chung cư H, khu dân cư T, B, thành phố H (nay là Chung cư H, đường số xx, Khu dân cư T, xã B, thành phố H).

Đại diện theo ủy quyền của bà T, ông Đ: Ông Nguyễn Duy L; sinh năm 1993; Địa chỉ: Số xx, V, phường H, Hà Nội.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh Đ1, sinh năm 1959; Địa chỉ: xx, Hà Nội. (Bà Đ1 có chồng là ông Nguyễn Đức T1- đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 133/LHST ngày 22/10/1993 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Hiện bà Đ1 chưa kết hôn với ai).

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ1: Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1981; Địa chỉ:

xx N, phường L, Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949; Địa chỉ: xx, Hà Nội. Ông H mất ngày 23/12/2017.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hùng:

- Bà Vũ Vân A, sinh năm 1965; HKTT và nơi ở hiện nay: xx, Hà Nội (vợ ông H).

- Chị Nguyễn Vũ Diễm H1, sinh năm 1994, HKTTxx, Hà Nội, hiện đang ở tại: Số nhà xx, Hà Nội (con gái ông H).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hàng thừa kế:

- Xác nhận cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Nguyễn Thị Đ2 có 04 người con, gồm:
+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T sinh năm 1947; Địa chỉ: xx, thành phố H;
+ Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1949; Địa chỉ: xx, Hà Nội. Chết ngày 23/12/2017. Ông H có vợ là bà Vũ Vân A và 01 con gái là chị Nguyễn Vũ Diễm H1.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954; Địa chỉ: xx, thành phố H.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 sinh năm 1959; Địa chỉ: xx, Hà Nội.

- Xác nhận cụ Nguyễn Văn T2, cụ Nguyễn Thị Đ2 ngoài 04 người con như trên, cụ T2, cụ Đ2 không có người con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

- Xác nhận ông Nguyễn Văn H ngoài vợ là bà Vũ Vân A và con gái là chị Nguyễn Vũ Diễm H1, ông Hùng không có vợ và người con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

2. Về di sản thừa kế:

- Xác nhận Nhà đất tại địa chỉ 42 xx, Hà Nội (nay là 42 xx, thành phố Hà Nội) là tài sản thuộc sở hữu chung của cụ Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 897.61.2008/209.61.QĐUB.2008 diện tích nhà đất 26m², diện tích sử dụng tầng 1 là 33.2 m² do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/5/2008 mang tên Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thanh Đ1;

- Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T2 là 1/3 nhà đất tại địa chỉ 42 xx, Hà Nội (nay là xx, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 897.61.2008/209.61. QĐUB.2008 diện tích nhà đất 26m², diện tích sử dụng tầng 1 là 33.2 m² do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/5/2008;

- Xác nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H là 1/3 nhà đất tại địa chỉ xx, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 897.61.2008/209.61. QĐUB.2008 diện tích nhà đất 26m², diện tích sử dụng tầng 1 là 33.2 m² do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/5/2008;

3. Về thời điểm mở thừa kế:

Xác nhận cụ Nguyễn Văn T2 chết ngày 30/6/2007, cụ Nguyễn Thị Đ2 chết

ngày 17/8/2004, ông Nguyễn Văn H chết ngày 23/12/2017. Cụ T2, cụ Đ2, ông H chết không để lại di chúc. Xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 30/6/2007 (ngày cụ T2 chết) và ngày 23/12/2017 (ngày ông H chết).

4. Về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế: Các bên đương sự thống nhất chia tài sản chung và chia thừa kế đối với nhà đất tại địa chỉ số xx, Hà Nội) cụ thể như sau:

- Chia nhà đất tại địa chỉ số xx, Hà Nội) thành 03 phần bằng nhau cho 03 người gồm cụ Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 (mỗi người hưởng 1/3).

- Do cụ Nguyễn Văn T2 chết ngày 23/12/2017 không để lại di chúc nên phần tài sản của cụ T2 được chia đều làm 04 phần cho 04 người con của cụ T2 là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn Hùng và bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 (mỗi người hưởng 1/4).

- Do bà Vũ Vân A và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 1997, ông H chết ngày 23/12/2017 (sau thời điểm cụ T2 và cụ Đ2 chết) không để lại di chúc nên phần tài sản của ông H được xác định là tài sản chung vợ chồng của bà Vân A và ông H (mỗi người sở hữu 1/2). Chia bà Vũ Vân A và chị Nguyễn Vũ Diễm H1 mỗi người được hưởng 1/2 phần tài sản của ông H và 1/2 kỷ phần thừa kế mà ông H được hưởng thừa kế của cụ T2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Vân A tự nguyện tặng cho toàn bộ phần tài sản của bà Vân A và kỷ phần thừa kế mà bà Vân A được hưởng từ phần tài sản của ông H và từ kỷ phần thừa kế mà ông H được hưởng thừa kế của cụ T2 cho bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 là người được hưởng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Vũ Diễm H1 tự nguyện tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế mà chị H1 được hưởng từ phần tài sản của ông H và từ kỷ phần thừa kế mà ông H được hưởng thừa kế của cụ T2 cho bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 là người được hưởng.

- Chia bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 được nhận hưởng phần tài sản và nhận hưởng kỷ phần thừa kế bằng hiện vật. Chia ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận hưởng kỷ phần thừa kế bằng tiền.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 có trách nhiệm thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T. Thời gian và giá trị thanh toán kỷ phần thừa kế giữa bà Đ1, bà T và ông Đ do các bên tự thỏa thuận thực hiện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với nhà đất tại địa chỉ số xx Hà Nội).

- Bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thực hiện việc đăng ký biến động về quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại địa chỉ số xx, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 897.61.2008/209.61.QĐUB.2008 do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/5/2008 mang tên Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị

Thanh Đ1 theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 3;*
- *Lưu HS vụ án*

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Oanh

